

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/DS-ST
Ngày 30 - 9 - 2021
*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Ông Phạm Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2021/TLST - DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 về “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà C, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15 tháng 3 năm 2021 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà A trình bày: Vào ngày 29 tháng 4 năm 2019, ông A và bà C có vay tiền của bà A với số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, hai bên không làm biên nhận, thời hạn trả 03 tháng nhưng hết thời hạn, ông B và bà C không trả gốc, lãi. Tiền lãi đã trả từ khi vay đến tháng 9 năm 2019 là 05 tháng, tổng số tiền lãi đã đóng là 7.500.000 đồng. Từ tháng 10 năm 2019, ông B và bà C không trả lãi, tiền gốc chưa thanh toán. Năm 2020, ông B và bà C ly hôn. Sau đó, ông B đã lập Tờ cam kết đề ngày 13 tháng 7 năm 2020, nội dung ông B sẽ tự chịu trách nhiệm trả số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 13/7/2020, với lãi suất 20%/năm. Nhưng sau đó ông B chỉ trả được

01 tháng tiền lãi với số tiền 300.000 đồng thì nhưng không đóng lãi và không trả tiền gốc cho bà A. Tại đơn khởi kiện, bà A yêu cầu ông B và bà C trả số tiền gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 13 tháng 7 năm 2020 đến khi thanh toán xong nợ, với lãi suất 20%/năm. Ngày 21 tháng 6 năm 2021 và tại phiên tòa, bà A thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà A chỉ yêu cầu ông B trả nợ số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 13 tháng 9 năm 2020 đến khi thanh toán xong nợ, bà A không yêu cầu bà C cùng ông B trả nợ cho bà A.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C: Từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử, ông B và bà C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, Tòa án có đến nhà ông B, bà C nhưng không gặp nên không có lời khai của ông B và bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A đối với ông B, buộc ông B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà A số tiền gốc sau khi đã trừ với lãi suất vượt mức quy định và tiền lãi từ ngày 13/7/2020 đến khi thanh toán xong nợ, với lãi suất 1,67%/tháng; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A đối với số tiền nợ gốc (do có sự điều chỉnh lại mức lãi suất). Án phí dân sự sơ thẩm, bà A và ông B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bà A khởi kiện ông B yêu cầu trả tiền nợ vay nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông B trú tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Giàu đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn của Tòa án nhưng vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà C theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Bà A khởi kiện yêu cầu ông B thanh toán số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng theo Tờ cam kết đề ngày 13 tháng 7 năm 2020 mà ông B đã viết cam kết trả nợ cho bà A sau khi ông B ly hôn với bà C. Thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông B biết việc ông B bị khởi kiện nhưng Tòa án vẫn không nhận văn bản trình bày ý kiến của ông B đối với yêu cầu khởi kiện của bà A. Theo quy định khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa*

ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Do vậy, Tòa án căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[4] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ giải quyết vụ án theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 34/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tại Biên bản hòa giải ngày 13 tháng 7 năm 2020, thể hiện nội dung ông B thừa nhận năm 2019 ông B vay tiền của bà A nhiều lần và còn nợ số tiền 30.000.000 đồng, ông B đồng ý tự trả cho bà A số tiền 30.000.000 đồng, do ông B với bà A thỏa thuận cho ông B trả dần nợ nên bà A đã rút lại yêu cầu khởi kiện. Từ đó, có cơ sở xác định giữa anh Thắng và bà A có phát sinh giao dịch vay tiền. Ông B không có chứng cứ chứng minh đã trả số tiền nợ 30.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông B còn nợ bà A số tiền gốc 30.000.000 đồng.

[5] Về tiền lãi, tại Biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 6 năm 2020 và Biên bản hòa giải ngày 13 tháng 7 năm 2020 trong hồ sơ giải quyết vụ án theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 34/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, thể hiện nội dung ông B cho rằng đã trả tiền lãi được 10 tháng là 39.000.000 đồng, lãi suất 10% tháng, nhưng khi trả tiền lãi không làm biên nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét tiền lãi ông B đã trả là 39.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tiền lãi mà ông B đã trả theo sự thừa nhận của bà A, tiền lãi mà ông B đã trả là 7.500.000 đồng từ ngày 29 tháng 5 năm 2019 đến ngày 13 tháng 7 năm 2020 và sau khi ông B cam kết trả nợ thì ông B đã trả tiền lãi của tháng 08 năm 2020 với số tiền 300.000 đồng (lãi suất 1%/tháng).

[6] Xét thấy, lãi suất mà bà A cho vay 5%/tháng đã vượt quá quy định của pháp luật về lãi suất cho vay không được vượt quá 1,67%/tháng theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lãi suất cho vay là 1,67%/tháng và số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật được đối trừ vào tiền nợ gốc.

[7] Số tiền lãi theo quy định của pháp luật mà ông B phải trả cho bà A từ ngày 29 tháng 5 năm 2019 đến ngày 13 tháng 7 năm 2020 (thời điểm lập Tờ cam kết) là 13 tháng 14 ngày được tính như sau: $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} 14 \text{ ngày} = 6.746.800 \text{ đồng}$. Do vậy, số tiền lãi vượt quá quy định pháp luật là $7.500.000 \text{ đồng} - 6.746.800 \text{ đồng} = 753.200 \text{ đồng}$. Sau khi đối trừ tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật vào tiền nợ gốc thì số tiền nợ gốc còn lại mà ông B phải có trách nhiệm trả cho bà A là $30.000.000 \text{ đồng} - 753.200 \text{ đồng} = 29.246.800 \text{ đồng}$. Do đó, tiền lãi mà ông B phải trả cho bà A từ ngày 13 tháng 9 năm 2020 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 30 tháng 9 năm 2021) là 12 tháng 17 ngày, được tính như sau: $29.246.800 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} = 6.137.831 \text{ đồng}$.

[8] Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi mà ông B phải có trách nhiệm trả cho bà A từ ngày 13 tháng 9 năm 2020 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 30 tháng 9 năm 2021) là $29.246.800 \text{ đồng} + 6.137.831 \text{ đồng} = 35.384.631 \text{ đồng}$. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà A đối với ông B, về yêu cầu ông B trả số tiền từ ngày 13 tháng 9 năm 2020 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 30 tháng 9 năm 2021) là 35.384.631 đồng.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà A về yêu cầu ông B trả số tiền gốc 753.200 đồng và tiền lãi của số tiền 753.200 đồng từ ngày 13 tháng 9 năm 2020 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 30 tháng 9 năm 2021) là $753.200 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 158.069 \text{ đồng}$.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông B phải chịu án phí 5% đối với số tiền 35.384.631 đồng là 1.769.232 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi. Bà A phải chịu án phí đối với số tiền 911.269 đồng (753.200 đồng + 158.069 đồng) do không được Tòa án chấp nhận là 300.000 đồng. Bà A đã nộp tiền tạm ứng án phí 750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng số 0008594 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, đối trừ án phí 300.000 đồng, bà A được hoàn lại số tiền 450.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

[11] Đối với yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà A về việc không yêu cầu bà C cùng ông B trả nợ; thấy rằng, ông B và bà A đã ly hôn theo Bản án số 15/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi. Bà A chỉ yêu cầu khởi kiện ông B trả nợ theo Tờ cam kết lập ngày ngày 13 tháng 7 năm 2020. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà A là tự nguyện và trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của bà A nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Từ đó, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A đối với ông B, về yêu cầu ông B thanh toán số tiền gốc, lãi là 35.384.631 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi một đồng), trong đó tiền gốc 29.246.800 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm đồng), tiền lãi 6.137.831 đồng (Sáu triệu một trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi một đồng).

2. Buộc ông B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà A số tiền gốc, lãi là 35.384.631 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi một đồng), trong đó tiền gốc 29.246.800 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm đồng), tiền lãi 6.137.831 đồng (Sáu triệu một trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi một đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A đối với ông B, về yêu cầu ông B thanh toán số tiền gốc 753.200 đồng (Bảy trăm năm mươi ba nghìn hai trăm đồng) và tiền lãi là 158.069 đồng (Một trăm năm mươi tám nghìn không trăm sáu mươi chín đồng).

5. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông B phải chịu số tiền 1.769.232 đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm ba mươi hai đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi. Bà A phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà A đã nộp tiền tạm ứng án phí 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng số 0008594 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, đối trừ án phí 300.000 đồng, bà A được hoàn lại số tiền 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Trang Thảo